TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Chiếnc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18/4/2018
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Văn Vừng

- Ông Đoàn Quang Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 18 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 và thụ lý bổ sung ngày 13/06/2017 về việc: "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX – ST ngày 04/4/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Ngô Thị V, sinh năm 1971. (có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1965 (có mặt tại phiên tòa)

* Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Minh H:

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1932 tên gọi khác Đỗ Thị Sích (có mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Thôn Y, L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1.Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1932 tên gọi khác Đỗ Thị S (có mặt tại phiên tòa)
2.Anh Trần Minh T , sinh năm 1954 (vắng mặt tại phiên tòa)
3.Chị Trần Thị L , sinh năm 1973 (vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: Thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

4.Chị Trần Thị Huy, sinh năm 1957

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Lào Cai (vắng mặt tại phiên tòa)

5.Chị Trần Thị H, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Hà Nam(vắng mặt tại phiên tòa)

6.Chị Trần Thị T, sinh năm 1967

Trú tại: Số nhà 19, ngõ 346, phố T, phường H, quận T, thành phố Hải Phòng (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Ngô Thị V và anh Trần Minh H thống nhất trình bày: Chị Ngô Thị V kết hôn với anh Trần Minh H vào năm 1991 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã được Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết cho vợ chồng được ly hôn từ năm 2014. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Thị V không đồng ý với phần phân chia tài sản của bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nên chị đã nộp đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Ngày 18 tháng 5 năm 2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa giám đốc thẩm hủy quyết định về phần tài sản của bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 05/2014/DSPT ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và quyết định về phần tài sản của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2014/HNGĐ - ST ngày 01/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện C. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị Ngô Thị V trình bày: Sau khi kết hôn với anh Trần Minh H, bố mẹ anh H đã tuyên bố cho vợ chồng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh. Việc cho này chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì và thửa đất này hiện tại vẫn mang tên ông Trần Văn T chưa sang tên cho vợ chồng. Năm 2003 vợ chồng xây dựng 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt. Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan, còn một số tài sản lặt vặt có giá trị thấp nên chị không kê khai. Nay chị

đề nghị Tòa án phân chia toàn bộ khối tài sản trên theo quy định của pháp luật và đề nghị chia đất để chị có chỗ ở.

* Về công nợ: Trong thời kỳ ly thân chị và anh H đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm trả nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, trả nợ chị H 5.000.000đ. Chị có trách nhiệm trả chị Trần Thị H2.000.000đ, trả chị Trần Thị T 3.000.000đ, trả chị Trần Thị L 2.000.000đ và trả chị Ngô Thị L 3.000.000đ. Nay các bên đã thanh toán xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện C 8.000.000đ anh H vay thì anh H phải có trách nhiệm trả, chị không liên quan đến khoản nợ này.

Anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện trình bày: Xác nhận lời trình bày của chị Ngô Thị V về các công trình xây dựng trên đất và đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng như chị V đã trình bày là đúng và đề nghị phân chia số tài sản này theo quy định của pháp luật. Còn thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là của ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T. Ông T, bà T vẫn chưa cho ai nên chị V không có quyền đề nghị chia.

Về công nợ: Trước khi ly thân vợ chồng còn nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, nợ chị Huy 5.000.000đ và nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện C 8.000.000đ. Khi thỏa thuận thuận tình ly hôn năm 2008 trách nhiệm trả các khoản nợ này được giao cho anh và anh đã trả xong nên đề nghị Tòa án trừ đi khi phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Về công sức: Chị Ngô Thị V và anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện trình bày: Anh, chị không đóng góp công sức gì vào việc tân tạo thửa đất trên nên không yêu cầu Tòa án trích chia công sức trong việc tân tạo. Ngoài ra chị Viện trình bày: Chị có thời gian dài sinh sống trên thửa đất đó nên chị đề nghị Tòa án xem xét công sức của chị trong việc trông nom, quản lý thửa đất đó theo quy định của pháp luật, còn anh Trần Minh H không yêu cầu.

Về ruộng nông nghiệp: Chị Ngô Thị V và anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện đã tự phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T trình bày: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10, có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh được địa phương cấp cho vợ chồng ông bà vào năm 1979, sau khi được cấp vợ chồng ông bà xây nhà và các công trình phụ trên đất. Năm 2003 do các công trình xây dựng đã xuống cấp nên vợ chồng anh H

bàn với vợ chồng bà phá nhà cũ đi để xây lại mới, vợ chồng bà đồng ý để vợ chồng anh H, chị V xây lại nhà mới, vật liệu tận dụng được một số đồ cũ gồm gạch, ngói, xà gồ, đòn tay của nhà cũ để làm nhà mới. Còn tiền thì vợ chồng bà không đóng góp. Thửa đất này vẫn nguyên hiện trạng của vợ chồng bà, anh H chị V không tân tạo thêm gì. Nay bà xác định thửa đất trên là của vợ chồng bà vì từ trước đến nay vợ chồng bà chưa tuyên bố cho ai. Giá trị các vật liệu mà vợ chồng anh H, chị V tận dụng được khi làm nhà bà không yêu cầu trả lại.

Anh Trần Minh T, chị Trần Thị L, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H và chị Trần Thị T trình bày: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10, có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là của ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T, từ trước đến nay ông T, bà T chưa tuyên bố cho ai nếu cho thì đã họp gia đình và mọi người trong gia đình phải ký vào văn bản đó. Nay chị V xác định thửa đất trên đã được ông T, bà T cho vợ chồng anh chị thì chị V phải đưa ra giấy tờ để chứng minh là ông T, bà T đã cho nếu không xuất trình được thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Anh T, chị L, chị H, chị H, chị T đều xác định: Các anh, chị không đóng góp công sức gì vào thửa đất trên và cũng không đóng góp công sức gì vào khối tài sản trên đất của anh H, chị V nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc Toà án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, điều tra xác minh và ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 35; 39; 147; 149; khoản 1, Điều 228; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 95, 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000(nay là Điều 59, Điều 61 Luật HNGĐ năm 2014); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Ngô Thị V.

Xác nhận khối tài sản chung của anh H, chị V gồm: 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt, 02

giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan có giá trị 42.500.000đ nhưng phải trừ khoản nợ chung của vợ chồng là 22.000.000đ. Còn lại là 20.500.000đ.

Buộc bà Đỗ Thị T phải trích trả chị Ngô Thị V từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ tiền công sức trong việc trông nom, quản lý tài sản nhưng được trả bằng quyền quản lý và sử dụng từ 80m^2 đến 85m^2 đất của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu các tài sản trên phần đất được chia nhưng chị V có nghĩa vụ trích trả bà Đỗ Thị T tiền chênh lệch về đất. Anh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh cùng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 01 bộ salongnan, 02 giường đôi gỗ lim nhưng phải trả chị V tiền chênh lệch tài sản theo biên bản định giá tài sản.

Về án phí: Do anh H bị bệnh tâm thần đã được Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự và hiện tại là hộ cận nghèo của địa phương nên đề nghị HĐXX miễn nộp tiền án phí cho anh H. Còn chị Viện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10, có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 (trong đó đất ở là 240m^2, đất vườn 188m^2)nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND huyện C cấp cho hộ ông Trần Văn T vào ngày 18/12/2000. Ông Trần Văn T chết vào năm 2011 nên Tòa án đã đưa những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T gồm: Bà Đỗ Thị T, anh Trần Minh T, chị Trần Thị L, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H và chị Trần Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Trần Minh H là bị đơn trong vụ án, do anh H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án đã cử bà Đỗ Thị T là mẹ đẻ anh H làm người đại diện theo pháp luật cho anh H để tham gia tố tụng tại Tòa án nên bà Đỗ Thị T tham gia tố tụng với 02 tư cách vừa là người đại diện theo pháp luật cho anh H, vừa là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Trần Minh T, chị Trần Thị L, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H và chị Trần Thị T là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh, trên đất có 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt. Đồ dùng sinh hoạt gồm 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan. Chị đề nghị chia toàn bộ khối tài sản trên theo quy định của pháp luật và đề nghị chia đất để chị có chỗ ở. Anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện và tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định tài sản trên đất và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là tài sản chung của anh H và chị V như chị V đã trình bày là đúng và đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Còn thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là của ông T, bà T. Như vậy các đương sự đã thống nhất được tài sản chung của anh H, chị Viện gồm: 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt. Đồ dùng sinh hoạt gồm 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan và đều đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Riêng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh có tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy để xác định thửa đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai phải căn cứ vào nguồn gốc và các giấy tờ xác lập quyền sử dụng đất thì thấy: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích thực tế 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh được địa phương cấp cho hộ ông Trần Văn T vào trước năm 1980. Sau khi được cấp thì ông T, bà T xây dựng nhà cửa sinh sống trên thửa đất đó. Năm 2000 thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn T và từ đó đến nay vẫn mang tên hộ ông Trần Văn T trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 ông T mất thì bà T vẫn ở trên thửa đất đó, hàng năm bà T vẫn đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ. Nay anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện và tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Đỗ Thị T, anh Trần Minh Thắng, chị Trần Thị L, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H và chị Trần Thị T đều xác định thửa đất trên được địa phương cấp cho ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T vào năm 1979. Tại biên

bản làm việc ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa Tòa án và UBND xã L thì phía UBND xã L cho biết thửa đất trên được địa phương cấp cho hộ ông Trần Văn T vào trước năm 1980 và cấp cho tiêu chuẩn của những ai thì địa phương không nắm được vì hồ sơ cấp đất thời kỳ đó không còn lưu giữ. Do vậy có đủ căn cứ để xác định thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích thực tế 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh được địa phương cấp cho ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị T. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị Ngô Thị V trình bày: Khi còn sống ông Trần Văn T đã tuyên bố cho vợ chồng chị thửa đất trên nhưng chỉ nói miệng và có sự chứng kiến của ông Tịnh và chị H, chứ không có giấy tờ gì. Nay ông T đã chết, còn chị Hthì khẳng định không có việc ông T cho vợ chồng anh chị thửa đất này. Mặc dù chị Ngô Thị V trình bày như vậy, song chị không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để xác định thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích thực tế 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của chị V và anh H.

Về công nợ: Chị V trình bày: Trong thời kỳ ly thân chị và anh H đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm trả nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, trả nợ chị H 5.000.000đ. Chị có trách nhiệm trả chị Trần Thị H 2.000.000đ, trả chị Trần Thị T 3.000.000đ, trả chị Trần Thị L 2.000.000đ và trả chị Ngô Thị L 3.000.000đ. Nay các bên đã thanh toán xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ Ngân hàng A – Chi nhánh huyện C 8.000.000đ anh H vay riêng thì anh H phải có trách nhiệm trả. Còn anh H thì trình bày: Trước khi ly thân vợ chồng còn nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, nợ chị H 5.000.000đ và nợ Ngân hàng A - Chi nhánh huyện C 8.000.000đ. Khi thỏa thuận thuận tình ly hôn năm 2008 anh và chị V đã thỏa thuận anh có trách nhiệm trả các khoản nợ này và trả tiền chênh lệch tài sản cho chị V 25.000.000đ để anh được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất và anh đã trả xong nên đề nghị Tòa án trừ đi khi phân chia tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2008 anh H và chị Viện khai nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, nợ chị H 5.000.000đ và nợ Ngân hàng A – Chi nhánh huyện C 8.000.000đ, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Tại phiên hòa giải ngày 25/3/2018 chị V trình bày: Việc vay mượn giữa vợ chồng chị với chị H, chị T, chị L và chị L chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì. Chị H và chị T thì trình bày từ trước đến nay các chị không cho vợ chồng anh H, chị V vay đồng nào. Chị L trình bày: Trước đây chị có cho vợ chồng anh H, chị V vay 2.000.000đ nhưng vợ chồng anh chị đã trả trước khi ly hôn. Tại phiên tòa chị V lại trình bày: Chị đã trả các khoản nợ trên trong lúc hôn nhân đang tồn tại. Do vậy có đủ căn cứ để xác định trước đây anh H, chị Viện nợ

ông Trần Văn T 9.000.000đ, nợ chị Huy 5.000.000đ và nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện C 8.000.000đ. Nay anh H đã trả xong các khoản nợ này và nộp 25.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để trả chị V nên khi phân chia tài sản phải trừ các khoản nợ mà anh H đã trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét công sức trong khối tài sản chung của vợ chồng thì thấy anh H và chị V có công sức ngang nhau nên chia cho mỗi người 01 nửa. Theo biên bản định giá tài sản ngày 04/4/2018 thì khối tài sản chung của anh H và chị V có giá trị 42.500.000đ – 22.000.000đ(tiền nợ chung của vợ chồng mà anh H đã trả) = 20.500.000đ : 2 người = 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện và chị Ngô Thị V đều trình bày: Anh, chị không đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích thực tế 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh nên không yêu cầu Tòa án trích chia công sức trong việc tân tạo thửa đất đó. Tuy nhiên chị Vcó thời gian dài ở trên thửa đất đó(từ năm 1991 đến năm 2007). Nay chị yêu cầu xem xét công sức của chị trong việc trông nom, quản lý thửa đất đó theo quy định của pháp luật. Còn anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện không yêu cầu. Do vậy cần trích chia cho chị Ngô Thị V 5.000.000đ tiền công sức trong việc trông nom, quản lý thửa đất trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay chị V không có chỗ ở nào và đang phải đi ở nhờ nên có nguyện vọng xin được trích chia công sức bằng đất để có chỗ ở ổn định. Xét thấy đề nghị trên là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Để không làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên đất nên trích chia cho chị Ngô Thị V 97m^2 đất(trong đó 61m^2 đất ở và 36m^2 đất vườn) nằm ở phía đông của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh có các chiều tứ cận như sau:

- Phía đông giáp thửa đất của anh Trần Minh T dài 21,65m.
- Phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh dài 22,81m.
- Phía nam giáp đường xóm dài 4,4m
- Phía bắc giáp mương của thôn dài 4,4m (giá trị đất = 47.477.000đ)

Và được sở hữu các tài sản trên phần đất được chia gồm: 02 gian công trình phụ, bể nước, cổng sắt, phần sân gạch phía dưới nằm trong phần đất được chia,

4,4m kè bờ ao trong phần đất được chia(giá trị tài sản trên đất = 3.521.000đ)(có sơ đồ kèm theo). Anh H được sở hữu 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 01, tầng 02 lợp ngói, 01 sân gạch, phần sân gạch phía dưới còn lại, 02 gian công trình phụ, 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salongnan, tường bao, phần kè bờ ao còn lại nằm trong phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

Do phần đất của chị V được chia có giá trị 47.477.000đ nên chị Viện phải trả lại bà Đỗ Thị T 42.477.000đ tiền chênh lệch đất. Phần tài sản trên đất của chị Viện được chia có giá trị 3.521.000đ nên anh H phải trả chị Viện 6.729.000đ tiền chênh lệch tài sản.

Về ruộng nông nghiệp: Anh H, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

*Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Chị V và anh H phải chịu 500.000đ tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận chị V đã nộp 500.000đ tại Tòa án nên anh H phải có trách nhiệm trả lại chị Viện 250.000đ

Do anh Nguyễn Minh H đã nộp 25.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số: BN/2010/004554 ngày 10 tháng 01 năm 2011 nên được khấu trừ để trả chị V 6.729.000đ tiền chênh lệch tài sản và 250.000đ tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ.

- Chị Ngô Thị V được nhận 6.979.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả lại anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện số tiền 18.021.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Về án phí: Năm 2016 chị Ngô Thị V là hộ cận nghèo và đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bản thân thường xuyên ốm đau, bệnh tật, không có thu nhập có xác nhận của chính quyền địa phương nên được Tòa án ra Quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng năm 2018 chị Ngô Thị V không thuộc diện nghèo và cận nghèo của địa phương nên chị Ngô Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Minh H bị bệnh tâm thần đã được Tòa án tuyên bố bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và hiện tại là hộ cận nghèo của địa phương nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Do vậy miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 35; 39; 147; 149; khoản 1, Điều 228; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 95, 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000(nay là Điều 59, Điều 61 Luật HNGĐ năm 2014); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Ngô Thị V .

Xác nhận khối tài chung của anh H và chị V gồm: 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt, 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan. Tổng giá trị tài sản là 42.500.000đ nhưng phải trừ khoản nợ chung của vợ chồng là 22.000.000đ. Còn lại là 20.500.000đ.

Buộc bà Đỗ Thị T phải trích trả chị Ngô Thị V 5.000.000đ tiền công sức nhưng được trả bằng quyền quản lý và sử dụng 97m^2 đất(trong đó 61m^2 đất ở và 36m^2 đất vườn) nằm ở phía đông của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh có các chiều tứ cận như sau:

- Phía đông giáp thửa đất của anh Trần Minh T dài 21,65m.
- Phía tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh dài 22,81m.
- Phía nam giáp đường xóm dài 4,4m
- Phía bắc giáp mương của thôn dài 4,4m(đất được chia giá trị 47.477.000đ)

Và được sở hữu các tài sản trên phần đất được chia gồm: 02 gian công trình phụ, bể nước, cổng sắt, phần sân gạch phía dưới nằm trong phần đất được chia, 4,4m kè bờ ao nằm trong phần đất được chia(có giá trị 3.521.000đ) nhưng chị Ngô Thị V phải trả bà Đỗ Thị T 42.477.000đ tiền chênh lệch đất. Anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện được sở hữu 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 01, tầng 02 lợp ngói, 01 sân gạch, phần sân gạch phía dưới còn lại, tường bao, 02 gian công trình phụ, 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salongnan, phần kè bờ ao còn lại nằm trong phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh (có sơ đồ kèm theo)nhưng

anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện phải trả chị Ngô Thị V 6.729.000đ tiền chênh lệch tài sản và 250.000đ tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Tổng cộng là 6.979.000đ(Xác nhận anh Trần Minh H đã nộp 25.000.000đ theo biên lai thu số: BN/2010/004554 ngày 10 tháng 01 năm 2011tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

Chị Ngô Thị V được nhận 6.979.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả lại anh Trần Minh H do bà Đỗ Thị T đại diện số tiền 18.021.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1,Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật này.

Về án phí: - Chị Ngô Thị V phải chịu 512.500đ án phí dân sự sơ thẩm

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Minh H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được tống đạt bản án./.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Vũ Văn Vừng **Đoàn Quang Chiến** **Phạm Văn Phong**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Thứa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Phong

TOÀ □N NHÂN DÂN
HUY□N L□□NG TÀI
T□NH B□C NINH

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BI□N B□N
PHI□N TOÀ DÂN S□ S□ THỘM

Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 4 năm 2017.

Tại: **Trụ sở Toà án nhân dân huyện L- ơng Tài**.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14/02/20172017 và thụ lý bổ sung ngày 13/06/2017 về việc tranh chấp Chia tài sản sau ly hôn.

vụ án đ- ợc xét xử công khai.

I.Những ng- ời tham gia tố tụng:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Viện, sinh năm 1971. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1965 (có mặt)

3. Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Minh H:

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1932 tên gọi khác Đỗ Thị Sích (có mặt)

Đều trú tại: Thôn Y, xã Lâm Thao, huyện L- ơng Tài, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1932 tên gọi khác Đỗ Thị Sích (có mặt)

- Anh Trần Minh Thắng, sinh năm 1954 (vắng mặt)

- Chị Trần Thị Lan, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Y, xã Lâm Thao, huyện L- ơng Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Trần Thị Huy, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Bến Đền, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

- Chị Trần Thị Huệ, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Hợp Hòa, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Chị Trần Thị Tâm, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Trú tại: Số nhà 19, ngõ 346, phố Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

II. Những ng- ời tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Văn Vừng.

- Ông Đoàn Quang Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt dầu phiên toà

- Chủ toạ phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

- Th- ký Toà án báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những ng- ời tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Toà án và lý do vắng mặt. toà.

- Chủ toạ phiên toà phiên toà kiểm tra căn c- ớc của những ng- ời tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Toà án và kiểm tra căn c- ớc của đ- ơng sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của các đ- ơng sự và của những ng- ời tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

- Chủ toạ phiên toà hỏi những ng- ời có quyền thay đổi những ng- ời tiến hành tố tụng xem có ai thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Th- ký Toà án hay không.

- Yêu cầu ng- ời làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật, trừ tr- ờng hợp ng- ời làm chứng là ng- ời ch- a thành niên.

- Yêu cầu ng- ời giám định, ng- ời phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dich đúng nội dung cần phiên dich.

IV. phần tranh tụng tại phiên toà

1.Phần hỏi và trả lời tại phiên toà.

- HĐXX hỏi chị Viện tại phiên toà hôm nay chị có thay đổi, bổ sung gì đối với yêu cầu khởi kiện không?

+ Chị Viện trả lời: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-HĐXX hỏi chị Viện: Yêu cầu khởi kiện của chị là những vấn đề gì:

+ Chị Viện trả lời: Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh, trên đất có 01 ngôi nhà 04 gian, trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói, bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt. Đồ dùng sinh hoạt gồm 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan. Chị đề nghị chia toàn bộ khối tài sản trên theo quy định của pháp luật và đề nghị chia đất để chị có chỗ ở. Còn công nợ các bên đã trả xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- HĐXX hỏi chị Viện tại phiên toà hôm nay chị và anh H cũng như bà T có thoả thuận đ- ợc với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án hay không?

+ Chị Viện trả lời: Chúng tôi không thoả thuận đ- ợc.

- HĐXX hỏi chị Viện kết hôn với anh H thời gian nào? quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được TAND huyện C và TAND tỉnh Bắc Ninh xử phúc thẩm khi nào? sau khi không đồng ý với quyết định về phần tài sản của Toà án cấp phúc thẩm chị khiếu nại đến TAND cấp cao và Toà án cấp cao đã xử như thế nào?

+ Chị Viện trả lời: Tôi kết hôn với anh Trần Minh H vào năm 1991, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã được TAND huyện C và TAND tỉnh Bắc Ninh giải quyết cho vợ chồng được ly hôn từ năm 2014. Tôi không đồng ý với phần phân chia tài sản của bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nên tôi đã nộp đơn khiếu nại đến TAND cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 18/5/2016 TAND cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa giám đốc thẩm hủy quyết định về phần tài sản của bản án phúc thẩm và sơ thẩm.

- HĐXX hỏi chị Viện sau khi kết hôn với anh H thì bố mẹ anh H có tuyên bố cho vợ chồng anh chị thửa đất nào? diện tích? thửa đất đó ở đâu? có giấy tờ gì thể hiện việc bố mẹ anh H cho không? hiện tại thửa đất đó mang tên ai? thời gian nào anh chị xây nhà? xây nhà loại gì? vợ chồng có mua sắm được gì không? Nay quan điểm của chị thế nào?

+ Chị Viện trả lời: Sau khi kết hôn với anh H thì bố mẹ anh H đã tuyên bố cho vợ chồng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh. Bố mẹ anh H chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì và thửa đất này hiện tại vẫn mang tên hộ ông Trần Văn T chưa sang tên cho vợ chồng. Năm 2003 vợ chồng tôi xây dựng 01 ngôi nhà 04 gian (trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói), bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt. Ngoài ra vợ chồng tôi còn mua sắm được 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan, còn một số tài sản lặt vặt có giá trị thấp nên chị không kê khai.

Nay tôi đề nghị Tòa án phân chia toàn bộ khối tài sản trên theo quy định của pháp luật và đề nghị chia cho tôi một phần đất để tôi có chỗ ở.

- HĐXX hỏi chị Viện: Nguồn gốc thửa đất đang có tranh chấp là của ai?

+ Chị Viện trình bày: Nguồn gốc thửa đất đó là của ông T, bà T vì khi tôi về làm dâu thì đã có rồi.

- HĐXX hỏi chị Viện: Trong thời gian vợ chồng anh chị ở trên thửa đất đó vợ chồng anh chị có đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất đó không?

+ Chị Viện trả lời: Trong thời gian ở trên thửa đất đó vợ chồng tôi không đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất đó.

- HĐXX hỏi chị Viện: Nay chị có yêu cầu gì về việc trích chia công sức không?

+ Chị Viện trả lời: Mặc dù vợ chồng tôi không đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất đó nhưng vợ chồng tôi có thời gian dài sống trên thửa đất đó nên tôi yêu cầu trích chia công sức trong việc trong nom, quản lý khối tài sản đó theo quy định của pháp luật.

- HĐXX hỏi chị Viện: Trong thời gian ở trên thửa đất đó thì ai là người đóng thuế đất.

+ Chị Viện trả lời: Vợ chồng tôi có đóng thuế một số năm

- HĐXX hỏi chị Viện: Nay chị có yêu cầu gì về tiền thuế đất mà chị đã đóng không

+ Chị Viện trả lời: Do tiền thuế ít và vợ chồng tôi cũng ở trên thửa đất đó nên tôi không yêu cầu khoản tiền này

- HĐXX hỏi chị Viện: Hiện tại chị đang ở đâu?

+ Chị Viện trả lời: Hiện tại tôi không có nhà đất nên vẫn phải đi ở nhờ nhà người thân.

- HĐXX hỏi chị Viện: Chị ở nhờ nhà người thân là ở nhà ai

+ Chị Viện trả lời: Tôi ra Hà Nội làm thuê nên thuê nhà trọ, còn khi nào có việc về quê thì tôi ở nhờ nhà anh, chị ruột của tôi.

- HĐXX hỏi chị Viện: Các con của anh chị có đóng góp công sức gì vào khối tài sản của anh chị không?

+ Chị Viện trả lời: Không

- HĐXX hỏi anh H về nội dung chị Viện đã trình bày? quan điểm của anh?

+ Anh H trả lời: Nội dung mà chị Ngô Thị Viện trình bày về các công trình xây dựng trên đất và đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng là đúng và đề nghị phân chia số tài sản này theo quy định của pháp luật. Còn thửa đất đó là của bố mẹ tôi và bố mẹ tôi chưa cho vợ chồng nên tôi không đồng ý chia thửa đất của bố mẹ cho chị Viện.

- HĐXX hỏi anh H: Vợ chồng anh chị có đóng góp công sức gì vào thửa đất của ông T, bà T không? Nay anh có yêu cầu trích chia công sức trong việc trông nom quản lý khối tài sản đó không?

+ Anh H trả lời: Tôi và chị Viện không đóng góp công sức gì vào thửa đất đó nên tôi không yêu cầu trích chia công sức gì?

- HĐXX hỏi anh H: Các con của anh chị có đóng góp công sức gì vào khối tài sản của anh chị không?

+ Anh H trả lời: Không

* HĐXX hỏi bà T về nội dung anh H trình bày? quan điểm của bà thế nào?

+ Bà T trình bày: Tôi đồng ý với quan điểm của anh H. Vợ chồng anh H chị Viện có tài sản chung gì thì chia theo quy định của pháp luật, còn thửa đất đó là của vợ chồng tôi, từ trước tới nay vợ chồng tôi chưa tuyên bố cho ai, Nay ông T đã mất

nên thửa đất đó thuộc quyền quản lý và sử dụng của tôi và tôi là người có toàn quyền quyết định.

- HĐXX hỏi bà T: Từ trước tới nay thì ai là người đóng thuế đất

+ Bà T trình bày: Vợ chồng tôi là người đóng thuế đất

- HĐXX hỏi chị Viện trong thời gian chung sống anh chị nợ những ai? khi khi thân anh chị đã tự giải quyết như thế nào?

+ Chị Viện trả lời: Quá trình chung sống vợ chồng còn nợ ông T 9.000.000đ, nợ chị Huy 5.000.000đ, Huệ 2.000.000đ, chị Tâm 3.000.000đ, chị Lan 2.000.000đ và chị Loan 3.000.000đ. Khi vợ chồng ly thân tôi và anh H đã thỏa thuận, anh H có trách nhiệm trả nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ và chị Trần Thị Huy 5.000.000đ. Tôi có trách nhiệm trả chị Trần Thị Huệ 2.000.000đ, chị Trần Thị Tâm 3.000.000đ, chị Trần Thị Lan 2.000.000đ và chị Ngô Thị Loan 3.000.000đ. Nay các bên đã thanh toán xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ 8.000.000đ của Ngân hàng nông nghiệp huyện C thì anh H vay anh H phải có trách nhiệm trả, tôi không liên quan đến khoản nợ này.

- HĐXX hỏi chị Viện: Chị có chứng cứ gì về việc vay nợ cũng như chứng cứ về việc thỏa thuận trả nợ giữa chị với anh Hoàng không?

+ Chị Viện trả lời: Chúng tôi chỉ thỏa thuận miệng chứ không có giấy tờ gì.

- HĐXX hỏi chị Viện: Chị trả nợ chị Trần Thị Huệ 2.000.000đ, chị Trần Thị Tâm 3.000.000đ, chị Trần Thị Lan 2.000.000đ và chị Ngô Thị Loan 3.000.000đ vào thời điểm nào?

+ Chị Viện trả lời: Tôi đã trả nợ vào thời điểm lúc tôi và anh H vẫn còn là vợ chồng.

- HĐXX hỏi chị Viện: Tại sao trước đây chị trình bày là chị trả nợ lúc vợ chồng đang ly thân.

+ Chị Viện trả lời: Lúc đó chắc tôi nhớ nhầm nên mới khai như vậy.

* Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của chị Tâm, chị Huệ và chị Lan về phần công nợ thể hiện từ trước đến nay chị Tâm và chị Huệ không cho vợ chồng anh H, chị Viện vay tiền bao giờ, còn chị Lan có cho vay 2.000.000đ nhưng vợ chồng anh H, chị Viện đã trả lúc hôn nhân đang tồn tại.

- HĐXX hỏi chị Viện: Chị nghĩ sao về lời khai đó

+ Nay các chị đó khai như vậy là quyền của các chị đó, tôi cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời nói của tôi là đúng.

- HĐXX hỏi anh H về nội dung chị Viện đã trình bày? quan điểm của anh?

+ Anh H trả lời: Vợ chồng tôi chỉ nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, nợ chị Trần Thị Huy 5.000.000đ và nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện C 8.000.000đ. Năm 2008 ly hôn chúng tôi thỏa thuận tôi có trách nhiệm trả các khoản nợ này và trả tiền chênh lệch cho chị Viện 25.000.000đ để tôi được sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và tôi đã trả xong nên tôi đề nghị Tòa án trừ đi khi phân chia tài sản chung của vợ chồng.

-HĐXX hỏi anh H: Anh có chứng cứ gì để chứng minh cho điều này là có căn cứ.

+ Anh H trả lời: Đó là biên bản thỏa thuận và quyết định thỏa thuận ly hôn năm 2008

- HĐXX hỏi bà T về nội dung anh H trình bày? quan điểm của bà?

+ Bà T trình bày: Tôi đồng ý với quan điểm của anh H .

- HĐXX hỏi chị Viện về đất nông nghiệp của vợ chồng?

+ Chị Viện trình bày: Đất nông nghiệp chúng tôi tự phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- HĐXX hỏi anh H về đất nông nghiệp của vợ chồng?

+ Anh H trình bày: Đất nông nghiệp chúng tôi tự phân chia nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- HĐXX hỏi bà T về nội dung anh H trình bày?

+ Bà T trình bày: Tôi đồng ý với quan điểm của anh H.

- HĐXX hỏi bà T về nguồn gốc thửa đất đó từ đâu mà có? Nếu địa phương cấp thì cấp cho tiêu chuẩn của ai.

+ Bà T trình bày: Thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10, có diện tích 385m^2 nhưng diện tích thực tế là 428m^2 nằm tại thôn Y, xã L, huyện C được địa phương cấp cho vợ chồng tôi vào năm 1979, sau đó vợ chồng tôi xây nhà và các công trình phụ trên đất. Năm 2003 do các công trình xây dựng đã xuống cấp nên vợ chồng anh H bàn với vợ chồng tôi phá nhà cũ đi để xây lại mới và vợ chồng tôi đồng ý để vợ chồng anh H, chị Viện xây lại nhà mới, vật liệu tận dụng được từ ngôi nhà cũ gồm gạch, ngói, xà gồ, đòn tay để làm nhà mới. Còn tiền thì vợ chồng tôi không đóng góp. Thửa đất này vẫn nguyên hiện trạng của vợ chồng tôi, anh H chị Viện không tu tạo

thêm gì. Nay tôi xác định thửa đất trên là của vợ chồng tôi và vợ chồng tôi chưa cho vợ chồng anh H.

- HĐXX hỏi bà T: Nay chị Viện yêu cầu bà phải trả tiền công sức cho chị Viện trong việc trông nom, quản lý thửa đất đó quan điểm của bà thế nào?

+ Bà T trình bày: Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- HĐXX hỏi bà T: Giá trị các vật liệu mà vợ chồng anh H, chị Viện tận dụng được khi phá nhà cũ để xây nhà mới bà có yêu cầu gì không?

+ Bà T trình bày: Tôi không yêu cầu gì?

- HĐXX hỏi bà T: Thửa đất bà đang quản lý và sử dụng có tranh chấp gì với các hộ liền kề không? Trong 428m^2 đất đó thì phần nào là phần đất ở và phần nào là đất vườn.

+Bà T trình bày: Thửa đất đó không có tranh chấp gì với các hộ liền kề và phần đất ở là phần đất ở phía nam của thửa đất và cụ thể đã xây dựng nhà và sân, cổng…. Còn đất vườn là phần đất ở phía bắc của thửa đất và vẫn đang làm vườn.

-HĐXX hỏi chị Viện: Lời khai của bà T là thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ liền kề và phần đất ở là phần phía nam của thửa đất và cụ thể đã xây dựng nhà và sân, cổng…. Còn đất vườn là ở phía bắc của thửa đất và vẫn đang làm vườn có đúng không?

+ Chị Viện trình bày: Lời khai của bà T như vậy là đúng

-HĐXX hỏi anh H: Lời khai của bà T là thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ liền kề và phần đất ở là phần phía nam của thửa đất và cụ thể đã xây dựng nhà và sân, cổng…. Còn đất vườn là ở phía bắc của thửa đất và vẫn đang làm vườn có đúng không?

+ Anh H trình bày: Lời khai của bà T như vậy là đúng

- HĐXX hỏi chị Viện: Hiện tại chị có là hộ nghèo hay cận nghèo của địa phương không?

+ Chị Viện trình bày: Năm 2016 tôi là hộ cận nghèo, còn hiện tại tôi không phải là hộ nghèo và cận nghèo

- HĐXX hỏi anh H: Hiện tại anh có là hộ nghèo hay cận nghèo của địa phương không?

+ Anh H trình bày: Hiện tại tôi đang là hộ cận ngheo của địa phương.

- HĐXX công bố lời khai của anh Trần Minh Thắng, chị Trần Thị Lan, chị Trần Thị Huy, chị Trần Thị Huệ, chị Trần Thị Tâm và biên bản làm việc giữa Tòa án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- HĐXX hỏi chị Viện có cần trình bày gì thêm nữa không? Và có đề nghị HĐXX hỏi ai về vấn đề gì nữa không?

+ Chị Viện trả lời: Không

- HĐXX hỏi anh H có cần trình bày gì thêm nữa không? Và có đề nghị HĐXX hỏi ai về vấn đề gì nữa không?

+ Anh H trả lời: Không

- HĐXX hỏi bà T có cần trình bày gì thêm nữa không? Và có đề nghị HĐXX hỏi ai về vấn đề gì nữa không?

+ Bà T trả lời: Không

*** Kiểm sát viên hỏi**:

Hỏi: Sau khi bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Bắc Ninh có hiệu lúc pháp luật, Chị đã được nhận số tiền mà anh H đã nộp tại Cơ quan thi hành án chưa?

Đáp: Tôi không đồng ý với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nên tôi không nhận số tiền này.

Hỏi: Hiện tại chị đang ở đâu? Chị có nhà đất để ở chưa?

Đáp: Hiện tại tôi chưa có nhà đất để, tôi đang thuê nhà ở Hà Nội để bán hàng.

Hỏi chị Viện: Trong thời gian vợ chồng chị ở trên thửa đất đó vợ chồng chị có đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất đó không?

Đáp: Trong thời gian ở trên thửa đất đó vợ chồng tôi không đóng góp công sức gì trong việc tân tạo thửa đất đó.

Hỏi: Vợ chồng anh chị nợ những ai và đã thanh toán các khoản nợ đó chưa? Nếu đã trả thì vào thời gian nào?

Đáp: Vợ chồng tôi nợ ông Trần Văn T 9.000.000đ, trả nợ chị Huy 5.000.000đ, nợ Trần Thị Huệ 2.000.000đ, nợ chị Trần Thị Tâm 3.000.000đ, nợ chị Trần Thị Lan 2.000.000đ, nợ chị Ngô Thị Loan 3.000.000đ. Các khoản nợ này 02 bên đã trả xong nên không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Tranh luận tại phiên toà.

- Chị Viện trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm như tôi đã trình bày là chia toàn bộ đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Còn công nợ hai bên đã trả nợ xong nên không yêu cầu gì. Ngoài ra tôi không tranh luận gì khác.

- Anh H trình bày: Tôi đồng ý chia tài sản trên đất theo quy định của pháp luật chứ không đồng ý chia đất vì đất là của bố mẹ tôi. Nhưng phải đối trừ phần công nợ mà tôi đã trả.

- Bà T trình bày: Tài sản trên đất là của vợ chồng anh H, chị Viện nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Còn thửa đất là của tôi nên tôi không đồng ý chia.

Ngoài ra các đương sự không tranh luận gì khác.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc Toà án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, điều tra xác minh và ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 35; 39; 147; 149; khoản 1, Điều 228; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 95, 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (nay là Điều 59, Điều 61 Luật HNGĐ năm 2014); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Ngô Thị Viện.

- Xác nhận khối tài sản chung của anh H, chị Viện gồm: 01 ngôi nhà 04 gian (trong đó 03 gian ngoài lợp ngói, gian buồng đổ trần tầng 1, tầng 02 lợp ngói), bếp, sân gạch, sân gạch phía dưới, bể nước, khu chăn nuôi, kè bờ ao, cổng sắt, 02 giường đôi gỗ lim, 01 bộ salonnan có giá trị 42.500.000đ nhưng phải trừ khoản nợ chung của vợ chồng là 22.000.000đ. Còn lại là 20.500.000đ.

- Buộc bà Đỗ Thị T phải trích trả chị Ngô Thị Viện từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ tiền công sức trong việc trông nom, quản lý tài sản nhưng được trả bằng quyền quản lý và sử dụng từ 80m^2 đến 85m^2 đất của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu các tài sản trên phần đất được chia nhưng chị Viện có nghĩa vụ trả bà Đỗ Thị T tiền chênh lệch về đất.

Anh H được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất còn lại của thửa đất số 194, tờ bản đồ số 10 tại thôn Y, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Ninh cùng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 01 bộ salongnan, 02 giường đôi gỗ lim nhưng phải trả chị Viện tiền chênh lệch tài sản theo biên bản định giá tài sản.

- Về án phí: Do anh H bị bệnh tâm thần đã được Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự và hiện tại là hộ cận nghèo của địa phương nên đề nghị HĐXX miễn nộp tiền án phí cho anh H. Còn chị Viện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử vào nghị án và hẹn 08 giờ ngày 18/4/2018 tuyên án

Đúng 09 giờ ngày 18/4/2018 Chủ toah phiên tòa tuyên án theo bản án mà HĐXX đã thông qua tại phòng nghị án.

Phiên toà kết thúc hồi 10 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Thấm phán - Chủ toạ phiên toà	Th- ký ghi biên bản phiên toà
Phạm Văn Phong	**Phạm Xuân Hà**